

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (Nº): 26KMC/217387



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH TRACTOR MINH ANH

Địa chỉ (Address): Thôn Phù Dực 1, Xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): MIKASA

Tên thương mại (Commercial name): MRH-601

Số khung (Chassis N^o): Z3336

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N^o/date): 108020818730/04/03/2026

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o): 002977/26MC-055/007

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 23/03/2026 / Tỉnh Hưng Yên

Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection): 002977/26MC

Mã kiểu loại (Model code): MRH-601DS

Màu xe (Vehicle color): Xanh

Số động cơ (Engine N^o): E756EW0152

Năm sản xuất (Production year): 2014

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	569	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2265 x 692 x 1195	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	E75-E3-NB3, 4 kỳ, 1 xi lanh	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	4,6/2500	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	3	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	10,8	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	1/355x650	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	1/355x650	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars N^o 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Cơ quan chứng nhận
(Certification body)

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KÝ
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 24/03/2026
12:45:19

Hoàng Quân

Ký bởi: Hoàng Quân

Email:

quanh.vr@mt.gov.vn

Cơ quan: CỤC ĐĂNG KÝ

VIỆT NAM, BỘ

XÂY DỰNG

Thời gian: 24/03/2026 12:45:18

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bóc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3811697

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0802081873



Số tờ khai: **108020818730** Số tờ khai đầu tiên
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra: **2**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai
 Ngày đăng ký: **04/03/2026 15:40:17** Ngày thay đổi đăng ký

Mã loại hình: **A11 2 [4]**
 Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai: **8427**
 Mã bộ phận xử lý tờ khai: **00**
 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Mã: **0108927079**
 Tên: **CÔNG TY TNHH TRACTOR MINH ANH**
 Mã bưu chính: **(+84) 43**
 Địa chỉ: **Thôn Phú Dục 1, Xã Phú Đồng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
 Số điện thoại: **0982933318**
 Người ủy thác nhập khẩu
 Mã
 Tên

Người xuất khẩu
 Mã
 Tên: **WEST MANAGEMENT CO., LTD**
 Mã bưu chính
 Địa chỉ: **ZIP CODE 822-1405 FUKUOKAKEN TAGAWAGUN KAWARAMACHI**
 NAKATSUBARU 4-6
 Mã nước: **JP**

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Số vận đơn	Mã nhân viên Hải quan
1 240126HKTHPH15437	Địa điểm lưu kho 03CES11 CANG NAM DINH VU
2	Địa điểm dỡ hàng VNDVN CANG NAM DINH VU
3	Địa điểm xếp hàng JPHTD HAKATA
4	Phương tiện vận chuyển
5	9999 CONSERO 2604S
Số lượng	Ngày hàng đến 07/02/2026
Tổng trọng lượng hàng (Gross) 12 PCE	Ký hiệu và số hiệu
Số lượng container 1 KGM	
	Ngày được phép nhập kho đầu tiên 06/03/2026
	Mã văn bản pháp quy khác CU KV

Số hóa đơn: **A - WE-0003**
 Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
 Ngày phát hành: **20/12/2025**
 Phương thức thanh toán: **KC**
 Tổng trị giá hóa đơn: **A - FOB - JPY - 4.185.000**
 Tổng trị giá tính thuế: **692.593.950,0002**
 Tổng hệ số phân bổ trị giá: **4.185.000 -**

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1 KV02 - 002977/26MC
 2 KV02 - 00218/26CCHP
 3 -
 4 -
 5 -
 Mã phân loại khai trị giá: **6**
 Khai trị giá tổng hợp
 Các khoản điều chỉnh
 Phí vận chuyển: **A - VND - 10.983.000**
 Phí bảo hiểm: **D - -**

Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1	-	-	-
2	-	-	-
3	-	-	-
4	-	-	-
5	-	-	-

Chi tiết khai trị giá

24012026#&, Phương thức thanh toán: TT. Mục số 1-4 không tham gia giao thông đường bộ, dùng trong giao thông vận tải, 1 UNIT = 1 PCE

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng	Tổng tiền thuế phải nộp	Số tiền bảo lãnh	Tỷ giá tính thuế	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Người nộp thuế
1 N Thuế NK	15.266.856	VND 7	71.895.720	VND		D	1
2 V Thuế GTGT	56.628.864	VND 12		VND			A
3		VND					
4		VND					
5		VND					
6		VND					
Mã lý do đề nghị BP							
Tổng số trang của tờ khai			14	Tổng số dòng hàng của tờ khai			12

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **108020818730** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **8427**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **HQHPKV2** Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
 Ngày đăng ký **04/03/2026 15:40:17** Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất
 Số đính kèm khai báo điện tử **1** **2** **3**
 Phần ghi chú

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng **00038**
 Phân loại chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan
 Ngày cấp phép **04/03/2026 19:50:24**
 Ngày hoàn thành kiểm tra / /
 Phân loại thẩm tra sau thông quan
 Ngày phê duyệt BP / /
 Ngày hoàn thành kiểm tra BP / /
 Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	/ /
	2	/ /	/ /
	3	/ /	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /	

